

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2022/DS-ST  
Ngày 28 - 6 - 2022  
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Bà Đào Việt Khái.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2022/TLST- DS ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hui*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2022/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Lê Đức T, sinh năm 1962 (có mặt).

Bà Phan Thị Y, sinh năm 1964 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp M, xã P, huyện P, tỉnh C.

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn K (vắng mặt).

Bà Trần Kim N (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp M, xã P, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Đức T và bà Phan Thị Y trình bày: Vào ngày 25/11/2016 (dl), ông Lê Đức T và bà Phan Thị Y có tham gia dùm cho ông Nguyễn Văn K và bà Trần Kim N hui 2.000.000 đồng, đây hui gồm 21 phần, hui khai mỗi tháng 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, ông Nguyễn Văn K và bà Trần Kim N hót hui lần đầu tiên. Chủ hui đã chung đầy đủ số tiền lĩnh hui.

Sau khi hốt hui thì ông K và bà N không đóng hui chét cho ông T và bà Y, chủ hui chỉ gom hui ông T và bà Y với lý do là người bảo lãnh. Đã qua ông T và bà Y đã đóng hui cho ông K và bà N số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 19/4/2022 bà N có viết giấy nợ với nội dung có nợ ông T và bà Y số tiền 40.000.000 đồng.

Nay ông T và bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn K và bà Trần Kim N trả cho ông T và bà Y số tiền hui còn nợ là 40.000.000 đồng.

- Đối với ông Nguyễn Văn K và bà Trần Kim N đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông K và bà N vắng mặt không có lý do và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Đức T và bà Phan Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn K và bà Trần Kim N trả tiền nợ hui. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hui*” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn K và bà Trần Kim N là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn K và bà Trần Kim N.

[3] Tại phiên tòa ông Lê Đức T và bà Phan Thị Y yêu cầu ông K, bà N trả số tiền nợ hui là 40.000.000 đồng với lý do: Ông K và bà N còn nợ tiền hui chét với tổng số tiền là 40.000.000 đồng.

Trong quá trình giao dịch hui, ông T và bà Y có lãnh cho ông K và bà N tham gia hui. Giữa ông T, bà Y với ông K và bà N có làm giấy giao kèo lập ngày 25/11/2016 thể hiện có tham gia dùm cho ông K và bà N 01 phần hui 2.000.000 đồng và đến ngày 05 hàng tháng phải đóng hui cho ông T và bà Y, số tiền phải đóng là 20 lần tương ứng 40.000.000 đồng, ông K và bà N có ký tên vào giấy giao kèo.

Ông T và bà Y có cung cấp giấy xác nhận nợ lập ngày 19/4/2022 với nội dung bà Trần Kim N và ông Nguyễn Văn K còn nợ ông T và bà Y số tiền 40.000.000 đồng, bà Y có ký tên vào giấy xác nhận.

Xét thấy số tiền ông T và bà Y trình bày góp dùm cho ông K và bà Y phù hợp giấy giao kèo và giấy xác nhận nợ do ông T và bà Y cung cấp. Như vậy, tổng số tiền ông K và bà N còn nợ ông T và bà Y là 40.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại dây hui đã kết thúc, ông K và bà N còn nợ là 40.000.000 đồng.

Mặt khác, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông K và bà N nhưng ông K và bà N không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông T và bà Y. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T và bà Y buộc ông K và bà N trả số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức T và bà Phan Thị Y được chấp nhận toàn bộ, nay buộc ông Nguyễn Văn K và bà Trần Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; ông Lê Đức T và bà Phan Thị Y được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 về hộ, hội, biên, phường và áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lê Đức T và bà Phan Thị Y. Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Trần Kim N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Đức T và bà Phan Thị Y số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

## 2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Trần Kim N cùng liên đới phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Ông Lê Đức T và bà Phan Thị Y đã nộp tạm ứng số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), tại biên lai thu tiền số 0017683 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay hoàn lại toàn bộ cho ông Lê Đức T và bà Phan Thị Y.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Sơn Ngọc Trọng**